

Số: 05/2026/QĐST-DS

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H2 (M); Địa chỉ: Số E N, phường L, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hoàng L** – chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP H2. Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Đào Văn L1 – Cán bộ phòng tố tụng của TMCP H2.

Bị đơn:

1. Ông Bùi Quốc H, sinh năm 1966;
2. Bà Đào Thị H1, sinh năm 1970. Người đại diện theo uỷ quyền của bà H1 là ông Bùi Quốc H (chồng bà H1).

Cùng nơi cư trú: Xóm L, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Bùi Quốc H và bà Đào Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP H2 tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 11/2021/HĐCV ngày 23/6/2021 là 299.604.455đ (Hai trăm chín mươi chín triệu sáu trăm linh bốn nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng); Trong đó: Nợ gốc là: 210.668.624 đồng; nợ lãi là: 79.622.083 đồng; nợ lãi quá hạn là: 9.313.748 đồng (nợ lãi tính đến ngày 28/01/2026).

Kể từ ngày 29/01/2026, ông Bùi Quốc H và bà Đào Thị H1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo hạn mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng số 11/2021/HĐCV ngày 23/6/2021 đã ký với MSB cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Thời hạn trả nợ tính là ngày quyết định công nhận thoả thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông Bùi Quốc H và bà Đào Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP H2 (M) được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho M, cụ thể là:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1466, tờ bản đồ số 31, diện tích 1440,3m², địa chỉ thửa đất: TDP L, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Nay là xóm L, xã P, tỉnh Thái Nguyên), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 154394, số vào sổ cấp GCN: CS01486 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 13/05/2021, đứng tên ông Bùi Quốc H. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 2000, Quyển số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/06/2021 ký giữa ông Bùi Quốc H với Ngân hàng TMCP H2 chi nhánh T – P tại Phòng C tỉnh Thái Nguyên.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho ông Bùi Quốc H và bà Đào Thị H1 đối với Ngân hàng TMCP H2 (M). Nếu số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Bùi Quốc H và bà Đào Thị H1 có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP H2 (M).

Án phí và chi phí tố tụng:

Ông Bùi Quốc H và bà Đào Thị H1 được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm do là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.039.000 đồng (Bảy triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001967, ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Về Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Ngân hàng TMCP H2 (M) đã nộp tạm ứng do vậy ông Bùi Quốc H và bà Đào Thị H1 nộp hoàn trả cho Ngân hàng TMCP H2 (M) 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 4 – Thái Nguyên;
- Phòng THA DS KV4 – Thái Nguyên;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Đình Hưng